

Bản án số: 150/2017/DS-PT
Ngày: 31-7-2017
V/v tranh chấp ranh giới quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/4, 29/5, 29/6, 24/7 và 31/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2016/TLPT-DS ngày 06/12/2016 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2016/DS-ST ngày 25/10/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Văn M, sinh năm 1940; Địa chỉ: tổ 02, ấp H, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970; Địa chỉ: đường L, phường 3, thành phố C, Đồng Tháp.(Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1956; Địa chỉ: Tổ 32, khóm P,

phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P: Bà Hồ Thị Xuân H-
Luật sư Văn phòng Luật sư Xuân H thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp;
(Vắng mặt ngày 31/7/2017)

Bà Võ Thị T-Luật sư Văn phòng Luật sư Xuân H thuộc đoàn luật sư tỉnh
Đồng Tháp.(Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1945

2. Anh Lê Văn T, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: tổ 02, ấp H, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện theo ủy quyền của bà B và anh T là: Ông Hồ Văn M, sinh
năm 1940, địa chỉ: tổ 02, ấp H, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.(Vắng
mặt).

3. Anh Hồ Thanh T1, sinh năm 1983

4. Anh Hồ Đăng K, sinh năm 2011

5. Chị Hồ Ngọc Thảo V, sinh năm 2014

Cùng địa chỉ: tổ 02, ấp H, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.(Vắng
mặt)

Người đại diện theo pháp luật của cháu K và cháu V là: Anh Hồ Thanh
T1, sinh năm 1984; Địa chỉ: tổ 8, đường Q, ấp L, xã A, thành phố C, tỉnh
Đồng Tháp. (Là cha ruột của cháu K và cháu V).

6. Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ 32, khóm P, phường 3,
thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm
1956. Cùng địa chỉ: Tổ 32, khóm P, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

7. Ủy ban nhân dân thành phố C

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T, chức vụ: Chủ tịch
UBND thành phố C; Địa chỉ: đường L, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng
Tháp. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người kháng cáo: Ông Hồ Văn M là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/7/2015 và ngày 15/01/2016, biên bản hòa giải ngày 13/01/2016, biên bản hòa giải ngày 04/5/2016, biên bản hòa giải ngày 05/8/2016 và tại phiên tòa ông M trình bày:

Vào năm 2003, ông Hồ Văn M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số bìa X590140, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000217 QSDD/224/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 2003, có tổng diện tích đất là 6.577,7m², gồm các thửa đất như sau:

- Thửa đất số 1698, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.698,1m² (400m² đất thổ và 1.298,1m² đất, loại đất cây lâu năm).

- Thửa đất số 1786, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.879,6m² loại đất lúa.

Hiện nay diện tích đất thực tế ông M sử dụng nhiều hơn ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất của ông M phía Đông tiếp giáp với đất của ông P (trước đây là của cụ Nguyễn Văn L1 cha ruột ông P, cụ L1 chết năm 2008).

Năm 1994, ông M có làm đê bao phía tiếp giáp đất của ông P, có chiều ngang 2m, chiều dài là 192m. Khi ông M làm cái liếp thì cụ L1 thống nhất không có tranh chấp với ông M.

Năm 2008, ông P đào con mương lạng sát liếp ông M đúng như hiện trạng đến nay. Khi ông P đào thì ông M có nói ông P đào sát liếp sẽ làm lở liếp ông M thì ông P nói sẽ bơm cát xuống mương lạng. Đến nay, ông P cũng không bơm cát xuống mương lạng.

Giữa hai thửa đất 1698 của ông M và thửa số 1699 của ông P có đường nước do ông M đào vào khoảng năm 2009, đào sau khi cụ L chết. Năm 2015, ông M yêu cầu ông P xác định ranh và trồng trụ đá giữa đất ông M và đất ông P, để tránh việc tranh chấp sau này. Phần đất của ông P tiếp giáp với ông M có đào cái mương lạng song song với đê bao đất của ông M. Sau đó anh P chỉ ranh đất giữa ông P và ông M là phần phía tiếp giáp với đường nhựa lần qua phần đê bao của ông M là 0,95m và phía trong hậu lần qua là 4,55m và có chiều dài 192m. Ông M không thống nhất với yêu cầu của ông P.

Anh P cho rằng trên phần đất ông P có 02 ngôi mộ thuộc thửa 1787. Hiện nay, khoảng cách 02 ngôi mộ và chân liếp của ông M còn khoảng hơn 2m chứ không phải 01m như ông P trình bày.

Nay ông M yêu cầu hộ anh P gồm ông P và bà L trả lại phần diện tích đất 626m² thuộc thửa số 1698 và thửa số 1786 cùng tờ bản đồ số 17 đất tọa lạc tại ấp Hòa H, xã Hòa A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Ông M xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông M và ông P là nối từ các mốc 9, mốc 10, mốc 11 và mốc 12 theo sơ đồ đo đạc ngày 26/3/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ông M yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông P và bà L.

Việc ông P yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông M thì ông M không đồng ý vì trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là đúng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn Nguyễn Văn P trình bày:

Ông P không có lấn ranh giới quyền sử dụng đất với ông M. Nguồn gốc đất ông P đang sử dụng do cha ông P là cụ L1 nhận chuyển nhượng từ ông Hồ Văn L2 vào năm 1961 với tổng diện tích là 5.000m². Đến năm 1976 cha ông P tặng cho lại toàn bộ diện tích đất trên cho ông P phần diện tích đất gồm 02 thửa tọa lạc tại tổ 2, ấp Hòa H, xã Hòa A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Vào năm 2006, ông P có làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ cụ L1 sang tên ông P. Đến ngày 19/01/2007, ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02 thửa:

- Thửa số 1699 tờ bản đồ số 17 diện tích 995,9m².

- Thửa số 1787 tờ bản đồ số 17 diện tích là 3.522,3m².

Thửa đất số 1699 với diện tích 995,9m² cây lâu năm, phần tiếp giáp với ông Hồ Văn M có chiều dài 43,3m². Trước kia phần tiếp giáp hai bên là vườn tre, ông M cất nhà lại phá hết tre để làm sân nhà. Năm 2005, ông P cũng phá tre và trồng xoài, lúc đó tuy không có trụ ranh nhưng 02 thửa đất thể hiện rất rõ cho nên lúc ông P trồng xoài ông P có đo từ ranh sang 3m để trồng hàng xoài hiện nay còn. Đến tháng 3/2012, ông M có hỏi con trai ông P để đào nhờ

đường nước để ông M bơm nước vào vườn xoài ông M. Khi đào nhờ đường nước thì ông M nói bán xoài xong ông đặt ống bên ông rồi lấp trả lại nhưng ông M sử dụng cho đến nay.

Thửa đất 1787 với diện tích 3.522,3m² tiếp giáp với ông Hồ Văn M là 144,1m. Trước kia hai bên là ruộng nên lấy đê làm ranh. Đến năm 1994, ông M lên vườn phá luôn cả đê rồi những năm sau đó đến mùa nước nổi là ông chở đất đắp thêm cho nên không có dấu vết để xác định ranh giữa hai bên. Nhưng trên phần đất ông P có 02 ngôi mộ của ông và chú ông P. Trước đây 02 ngôi mộ này cách bờ đê khoảng 2,5m nhưng nay khoảng cách giữa 02 ngôi mộ và chân liếp xoài của ông M chỉ còn khoảng 1m.

Ông P không yêu cầu thẩm định lại đối với trường hợp khoảng cách từ chân ngôi mộ thuộc thửa 1787 đến chân bờ liếp ông M là 1m.

Tại phiên hòa giải, ông P không đồng ý theo yêu cầu của ông M. Ông P xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông P và ông M là nối từ các mốc 8, mốc 7 và mốc 6 theo sơ đồ đo đạc ngày 26/3/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ông P thống nhất kết quả định giá theo biên bản định giá ngày 25/5/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ông P thống nhất bản đồ đo đạc và bản đồ mốc (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh ngày 26/3/2015) của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Việc ông M yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông P và bà L thì ông P không đồng ý vì trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P là đúng theo quy định của pháp luật.

Ông P yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông M.

Đối với các loại cây trồng trên diện tích đất tranh chấp được thể hiện qua Biên bản xem xét ngày 26/3/2015, ông M không có yêu cầu trả lại giá trị cây đã trồng, ông M thống nhất các loại cây trên đất tranh chấp về sau nếu Tòa án giải quyết phần diện tích đất thuộc sử dụng của ông P thì ông M tự di dời.

- Bà Phan Thị B và Lê Văn T do ông Hồ Văn M đại diện ủy quyền trình bày:

Bà B là vợ ông M. Anh T là cháu ông M. Bà B và anh T là thành viên trong hộ ông M. Trong vụ tranh chấp này bà B và anh không có ý kiến.

- Anh Hồ Thanh T1 trình bày: Anh T1 là con ruột của ông M. Trong vụ tranh chấp này anh T1 thống nhất theo lời trình bày của ông M.

- Bà Nguyễn Kim L trình bày: Bà L là vợ ông P. Bà L thống nhất theo ý kiến của ông P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2016/DS-ST ngày 25/10/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Văn M yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông M và ông P là: Nối từ các mốc 9, mốc 10, mốc 11 và mốc 12 theo sơ đồ đo đạc ngày 26/3/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh chung giữa hộ ông Hồ Văn M và hộ ông Nguyễn Văn P như sau:

Từ mốc 8 đến mốc 9 chia đôi xác lập là mốc X.

Từ mốc 7 đến mốc F chia đôi xác lập là mốc Y.

Từ mốc G đến mốc 10 chia đôi xác lập là mốc Z.

Từ mốc 6 đến mốc 12 chia đôi xác lập là mốc T.

Nối từ mốc X đến mốc Y, từ mốc Y đến mốc Z, từ mốc Z đến mốc T (trừ taly đường) là ranh giữa đất của ông Hồ Văn M và ông Nguyễn Văn P. Ranh đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất.

Ông Hồ Văn M và các thành viên trong hộ ông Hồ Văn M gồm: Phan Thị B, Hồ Thanh T, Lê Văn T, Hồ Đăng K và Hồ Ngọc Thảo V được sử dụng phần diện tích 307,5m². Đồng thời đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại phần diện tích chênh lệch đối với phần diện tích đã cấp cho hộ ông M theo bản đồ đo đạc (kèm theo Bản đồ đo đạc ngày 26/3/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cao Lãnh).

Ông Nguyễn Văn P và thành viên trong hộ ông Nguyễn Văn P gồm: Nguyễn Kim L được sử dụng phần diện tích 314,59m². Đồng thời đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại phần diện tích chênh lệch đối với phần

diện tích đã cấp cho hộ ông P, bà L theo bản đồ đo đạc (kèm theo Bản đồ đo đạc ngày 26/3/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cao Lãnh).

Cây cối trên đất tranh chấp thì hai bên không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Không chấp nhận yêu cầu của ông M yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông P và bà L.

Không chấp nhận yêu cầu của ông P yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hồ Văn M.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Văn M phải chịu án phí 1.245.295 đồng, số tiền này được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 924.000 đồng theo biên lai thu số 030906 ngày 27/02/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Như vậy, ông Hồ Văn M phải nộp thêm số tiền án phí 321.295 đồng.

Ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí 1.236.922 đồng.

Các chi phí gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2015, chi phí đo đạc theo hợp đồng số 352-HĐ-ĐĐ ngày 27/11/2015, chi phí định giá ngày 25/5/2015, tổng cộng là: 11.362.000 đồng. Yêu cầu xác định ranh của Hồ Văn M được chia đôi nên ông Hồ Văn M và ông Nguyễn Văn P chịu 1/2 tổng chi phí này. Tổng chi phí là 11.362.000 đồng do nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi xong nên ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ trả lại cho ông Hồ Văn M số tiền 5.681.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án dân sự của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/11/2016 nguyên đơn ông Hồ Văn M kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2016/DS-ST ngày 25/10/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung yêu cầu kháng cáo. Phía ông P yêu cầu giữ nguyên quyết định xác định đường ranh

như án sơ thẩm đã tuyên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quyền sử dụng đất ranh giới tranh chấp giữa ông M với ông P được xác định là ranh giới chiều dọc giữa các thửa đất số 1698 và 1786 của ông M với thửa 1699 và 1787 của ông P. Diện tích tranh chấp theo đường ranh là 626m^2 .

- Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông M có các thửa: Thửa 1698 diện tích là $1.698,1\text{m}^2$, đo thực tế là $1.531,4\text{m}^2$; thửa 1786 diện tích là $4.879,6\text{m}^2$, đo thực tế là $4.565,3\text{m}^2$, tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M là $6.577,7\text{m}^2$, đo đạc thực tế là $6.096,7\text{m}^2$, cộng thêm phần đất tranh chấp 626m^2 bằng $6.722,7\text{m}^2$, diện tích đất thừa là 145m^2 .

- Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông P có các thửa: Thửa 1699 diện tích $995,9\text{m}^2$, đo thực tế là $836,3\text{m}^2$; thửa 1787 diện tích $3.522,3\text{m}^2$, đo thực tế là $3.359,8\text{m}^2$, tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P là $4.518,2\text{m}^2$, đo thực tế là $4.196,1\text{m}^2$, cộng thêm phần tranh chấp 626m^2 bằng $4.822,1\text{m}^2$, diện tích đất thừa $303,9\text{m}^2$.

- Đường ranh theo các bên yêu cầu xác định trên thực địa lúc thẩm định, đo đạc là do nhận thức của mỗi bên theo quá trình diễn biến sử dụng trên thực địa, từ xưa đến nay không có cột mốc hay đặc điểm cụ thể nào để phân biệt ranh.

[2] Đường ranh theo ông M yêu cầu tại thửa 1786 là cặp theo chân bờ đê của ông M giáp mép nương của ông P và tại thửa 1698 là theo đường ống nước ngầm và mép đường nước của ông M giáp đất liền của ông P. Theo đường ranh yêu cầu này là đúng với hiện trạng đất hộ ông M sử dụng từ trước nay phía ông P không tranh chấp, có tổng diện tích là $6.722,7\text{m}^2$, nhiều hơn diện tích cấp giấy 145m^2 , số diện tích nhiều hơn này là tương ứng với chỉ số sai số nên không đáng kể. Đường ranh này (đoạn thuộc thửa 1786) là dựa trên cơ sở ông M đắp đê nhỏ làm ranh từ thời đất còn canh tác ruộng lúa, đến năm 1994 ông M chuyển canh lên trồng cây lập vườn, đắp đê rộng thêm ra và cao lên, lúc này phía đất ông P đang còn cụ L1 là cha ông P canh tác, cụ L1 không phản đối, không tranh chấp, sau khi cụ L1 tặng cho lại ông P thì ông P

cũng không tranh chấp, và ông M đắp đê là chở đất từ nơi khác vào đắp dần nhiều năm trở thành bờ đê rộng và rất cao so mặt đất tự nhiên, ông M đã trồng nhiều cây ăn trái nhiều năm trên bờ đê này, ông P cũng thừa nhận như vậy. Đoạn tiếp theo thuộc thửa 1698 thì ông M đã đào một đoạn đường bơm nước, lắp đặt tiếp theo 01 đoạn ống nhựa ngầm dưới lòng đất để dẫn nước lấy từ bộ bơm ở mép sông thẳng lên, đoạn ranh này tương ứng thẳng khớp với chân bờ đê của ông M mang tính ổn định lâu dài, phía ông P cũng không phản đối hay tranh chấp gì.

[3] Cũng theo đường ranh ông M khởi kiện yêu cầu nói trên, thì sau nhiều năm bên ông M hình thành bờ đê trồng cây, phía bên đất ông P thì ông P mới đào mương rộng hơn 02m cắt sát mép chân bờ đê ông M, lấy đất đắp về phía đất ông P tạo thành bờ trồng cây ăn trái ổn định nhiều năm qua, ông P không đặt vấn đề gì khác về ranh giới này đối với ông M, là đã mặc nhiên chấp nhận chân bờ đê trồng cây của ông M hình thành trước đó là ranh, ông P nại rằng: Ông M hỏi ông cho đắp đê nhờ qua đất ông, nhưng ông M không thừa nhận và ông P cũng không có chứng cứ khác chứng minh cho đắp nhờ; cũng như đoạn ông M đào đường mương, đặt ống nhựa bơm nước, ông P cũng nại là: Ông M hỏi con ông P cho đào nhờ, ông M không thừa nhận và ông P cũng không có chứng cứ chứng minh. Trong khi trên thực địa đất ông M liền kề, là đất nông nghiệp, diện tích lớn hơn, không bị vây bọc hay vướng công trình kiên cố, nên việc ông M đắp đê, đào đường mương, đặt ống dẫn nước nhờ trên đất ông P như ông P khai nại là không có cơ sở.

[4] Ông P và các Luật sư của ông P cho rằng đường ranh đúng giữa đất ông M với đất ông P theo biên bản xác định ranh giới lúc ông P đăng ký đất có ông M ký tên giáp ranh, có số đo, ranh cũ là bờ đê nhỏ rộng 04 tấc, sau đó ông M chở đất chỗ khác về đắp lên làm mất đê cũ và lấn đê qua đất ông P thành bờ đê lớn như hiện nay, do đó đường ranh phải là nối các đoạn thẳng từ mốc 6, mốc 7 đến mốc 8 trên sơ đồ thẩm định đo đạc ngày 26/3/2015, có diện tích tranh chấp bị ông M chiếm là 626m², nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử chia đôi phần tranh chấp, ông P chấp nhận thiệt thòi không kháng cáo. Tình tiết này chỉ dựa vào số đo bề ngang đất ông P khi đăng ký, tuy ông M và những người khác giáp ranh có ký tên, nhưng không có cơ sở chứng minh ông M biết rõ số đo này từ đâu đến đâu, vị trí mốc giới giáp đất ông M ở chỗ nào, không có cột mốc hay đặc điểm gì khác để xác định và như vậy thì đất ông P

không những sẽ bao gồm hết bờ đê có nhiều cây trái trồng lâu năm, kể cả đường mương bơm, ống nhựa ngầm dẫn nước, mà đoạn cuối ranh còn vươn qua khỏi bờ đê của ông M 3,70m, tổng diện tích đất ông P sẽ lên đến 4.822,1m², thừa 303m² so giấy được cấp; mặc khác, trong văn bản trình bày ý kiến ông P có đề cập là thửa số 1787 của ông giáp đất ông M trước đây khi còn làm ruộng lúa thì bên đất ông có 02 ngôi mộ, 02 mộ này còn cách chân đê ông M khoảng 2,5m, nhưng nay chỉ còn khoảng 01m, tình tiết này qua khảo sát, vẽ sơ đồ mốc bổ sung ngày 26/5/2017 cho thấy vị trí 02 ngôi mộ ông P đề cập hiện còn cách chân bờ đê ông M là hơn 2m, không phải 01m như ông P nói, chứng tỏ chân đê ranh ông M không lấn chiếm qua đất ông P, cho nên ranh theo vị trí ông P yêu cầu hay vị trí ông P chấp nhận theo quyết định của sơ thẩm đều là không phù hợp.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn M, sửa Bản án sơ thẩm số 51/2016/DS-ST ngày 25/10/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh là có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên có đủ cơ sở kết luận: Quyết định của Bản án cấp sơ thẩm là không có căn cứ và không phù hợp; ông M kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm yêu cầu xác định ranh theo chân bờ đê giáp mép mương ông P và cập theo đường mương, ống nước ngầm của ông M đang sử dụng là có cơ sở được chấp nhận, vậy nên phải sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận giữ nguyên đường ranh theo hiện trạng sử dụng của ông M tại các mốc số 9, mốc F, mốc 10, mốc 11, mốc B' đến mốc H theo Sơ đồ mốc bổ sung ngày 26/5/2017 làm ranh phân giới đất giữa các bên là phù hợp.

[7] Do sửa án nên ông M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và phải sửa phần án phí sơ thẩm, kể cả các chi phí về tố tụng khác theo hướng ông P phải chịu theo luật định.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 166,170 Luật đất đai; Điều 265 Bộ luật dân sự 2005 và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn M.
2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2016/DS-ST ngày 25/10/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.
3. Chấp nhận yêu cầu xác lập đường ranh đất của ông Hồ Văn M đối với hộ ông Nguyễn Văn P.

Đường ranh phân định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 1698 và thửa số 1786 của hộ ông M với thửa số 1699 và thửa số 1787 của hộ ông P là theo các mốc: Mốc 9, mốc F, mốc 10, mốc 11, mốc B' và mốc H. Nối các đoạn thẳng giữa các mốc trên với nhau thành đường ranh.

Đường ranh giới quyền sử dụng đất nêu trên được sử dụng theo chiều thẳng đứng từ mặt đất làm chuẩn lên không gian và xuống lòng đất, cây trồng, vật kiến trúc (nếu có) của bên nào vướng vào đường ranh thì bên đó tự thu dọn, đảm bảo sử dụng đúng đường ranh giới đã tuyên theo quy định pháp luật.

(Có Bản đồ đo đạc ngày 25/6/2015 kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh và Sơ đồ mốc bổ sung ngày 26/5/2017 kèm theo bản án này).

4. Không chấp nhận yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hồ Văn M đối với ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Kim L.
5. Không chấp nhận yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn P đối với ông Hồ Văn M.
6. Về án phí:

Ông Hồ Văn M không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, ông M được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 924.000 đồng theo biên lai số 030906 ngày 27/02/2015, 200.000 đồng theo biên lai số 034797 ngày 29/7/2015 và 200.000 đồng theo biên lai số 08072 ngày 07/11/2016 của Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Kim L cùng liên đới nghĩa vụ nộp 2.482.000 đồng.

7. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Kim L cùng liên đới nghĩa vụ nộp toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá giai đoạn sơ thẩm là 11.362.000 đồng và giai đoạn phúc thẩm là 200.000 đồng, tổng cộng bằng 11.562.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Hồ Văn M.

Kể từ ngày ông Hồ Văn M có đơn yêu cầu thi hành án mà ông P và bà L chưa thanh toán số tiền nêu trên, thì ông P và bà L còn phải chịu lãi cho ông M theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND TP. Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP. Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Văn Phương